

VĂN PHÒNG THÀNH ỦY HÀ NỘI



BÁO CÁO KHOA HỌC TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NCKH CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2006-2007

Tên đề tài:

**CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HÌNH
THÀNH MŨI NHỌN KINH TẾ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

Mã số: 01X-07/02-2006-2

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: TS. Vũ Trọng Lâm, Phó Chánh Văn phòng

Thành uỷ Hà Nội

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN : Văn phòng Thành uỷ Hà Nội

ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH: Văn phòng Thành uỷ Hà Nội

6602

11/10/2007

Hà Nội - 2007

MỤC LỤC

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐỀ TÀI	2
PHẦN MỞ ĐẦU	4
PHẦN I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MŨI NHỌN KINH TẾ	8
I. Các khái niệm cơ bản	8
II. Cơ sở lý luận về ngành mũi nhọn kinh tế	22
III. Các phương pháp xác định ngành mũi nhọn kinh tế.....	36
PHẦN II: CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH NGÀNH MŨI NHỌN KINH TẾ	67
I. Một số bài học kinh nghiệm nước ngoài trong việc lựa chọn mũi nhọn kinh tế.....	67
II. Thực trạng vấn đề xác định ngành mũi nhọn kinh tế ở Hà Nội giai đoạn vừa qua.....	104
PHẦN III: GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ XÁC ĐỊNH MŨI NHỌN KINH TẾ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2008 - 2015	123
I. Các giải pháp	123
II. Các kiến nghị	127
KẾT LUẬN	135
PHỤ LỤC	136
TÀI LIỆU THAM KHẢO	146

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐỀ TÀI

1. TS. Vũ Trọng Lâm, Phó Chánh Văn phòng Thành uỷ Hà Nội - **Chủ nhiệm đề tài**
2. TS. Đỗ Thị Hải Hà, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội - **Thư ký đề tài**
3. GS.TS. Đỗ Hoàng Toàn, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
4. PGS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Viện trưởng Viện Kinh tế và chính trị thế giới
5. PGS.TS. Trần Đình Thiên, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam
6. PGS.TS. Lê Xuân Bá, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
7. TS. Võ Trí Thành, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
8. Th.s. Nguyễn Tú Anh, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
9. Ths. Trần Thị Cẩm Trang, Viện Kinh tế và chính trị thế giới
10. CN. Lê Văn Hùng, Viện Kinh tế Việt Nam
11. CN. Phạm Sỹ An, Viện Kinh tế Việt Nam
12. TS. Lê Thị Huyền Minh, Văn phòng Thành uỷ Hà Nội
13. Ths. Nguyễn Thu Hà, Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội
14. TS. Trần Thị Vân Hoa, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
15. TS. Trần Thị Ngọc Nga, Học viện Báo chí và Tuyên truyền
16. CN. Nguyễn Trang Nhung, Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội
17. TS. Nguyễn Mạnh Ty, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội

Các cơ quan giúp đỡ và phối hợp thực hiện đề tài:

1. Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội
2. Sở Khoa học - Công nghệ Hà Nội
3. Sở Tài chính Hà Nội
4. Cục Thống kê Hà Nội

Và một số các cơ quan quản lý nhà nước, các Trường đại học, Viện nghiên cứu trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

BẢNG KÊ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HDD	: Ổ cứng máy tính
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
PCB	: Bảng mạch in (printed Circuit board)
FBI	: Vốn đầu tư nước ngoài vào trong nước
NESDP	: Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia
BOI	: Ủy ban đầu tư
TNC	: Công ty xuyên quốc gia
EI	: Viện điện và điện tử
SXT	: Khoa học và công nghệ
NITC	: Ủy ban công nghệ thông tin quốc gia
IT	: Công nghệ thông tin
SP	: Công nghệ phần mềm
RD	: Nghiên cứu và phát triển
EPZ	: Khu chế xuất
FTZ	: Khu thương mại tự do
EOU	: Định hướng xuất khẩu
ISI	: Thay thế nhập khẩu

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Trong 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp và giúp đỡ của các địa phương trong cả nước, sự liên kết có hiệu quả với nhiều tổ chức và nhiều quốc gia ngoài nước, cùng với sự nỗ lực, kiên trì lao động và sáng tạo của Đảng bộ và Nhân dân thủ đô, Hà Nội đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đạt được nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt, về kinh tế GDP năm 2005 so với năm 1990 tăng trên 5,1 lần, bình quân mỗi năm tăng 11,45%, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt gấp phần 2,1 lần cả nước. Tuy nhiên, so với đòi hỏi của cuộc sống và thách thức về sự tụt hậu so với thủ đô các nước trong khu vực và trên thế giới thì còn có quá nhiều vấn đề cần được đặt ra để suy nghĩ và giải quyết. Năng lực cạnh tranh của kinh tế Thủ đô còn rất hạn chế. Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2005 Hà Nội chỉ xếp thứ 14 trên 42 tỉnh, thành phố được điều tra; năm 2006, tụt 26 bậc, từ 14 xuống 40/64 tỉnh, thành phố. Vị trí thứ 40 này không xứng tầm với vị thế là Thủ đô của cả nước, trung tâm lớn hàng đầu của cả nước về kinh tế, văn hoá, giáo dục và giao lưu quốc tế. Vai trò của các ngành chủ lực nói chung, chủ lực trong công nghiệp nói riêng chưa rõ nét. Một trong những nguyên nhân rất quan trọng là chưa xử lý tốt được vấn đề lý luận và thực tiễn của mũi nhọn kinh tế - xã hội nói chung, các vấn đề mũi nhọn kinh tế nói riêng của Hà Nội. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài "*Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc hình thành mũi nhọn kinh tế của thủ đô Hà Nội*" thực sự trở nên cấp thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn. Đề tài hy vọng sẽ góp phần nhỏ vào việc giải quyết các vấn đề đặt ra.

2. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

Thực tế chỉ rõ có không ít quốc gia (địa phương, tỉnh, thành phố) chỉ trong vòng 20-30 năm đã có những bước phát triển kinh tế xã hội vượt bậc

mang tính đột biến. Những hiện tượng "thần kỳ" của thế giới đã trở thành phổ biến: 1) Một nước Nhật Bản bị thảm bại sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 đã nhanh chóng trở thành một cường quốc kinh tế thứ 2 thế giới sau 30 năm, 2) một nước Trung Quốc - người khổng lồ châu Á bị ngủ quên sau nhiều thế kỷ, cũng chỉ sau 30 năm trở thành cường quốc kinh tế thứ 4 thế giới, 3) Cũng vậy là các nước và thực thể kinh tế xã hội khác: Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ, Thái Lan, Philippin v.v. Một trong những nguyên nhân cơ bản có ý nghĩa quyết định cho sự thành công đó là vì các nước và các thực thể kinh tế xã hội (các thủ đô, các tỉnh, thành phố, các vùng lãnh thổ v.v) nói trên đã biết tìm ra đúng và ưu tiên phát triển các vấn đề mũi nhọn kinh tế. Nhìn lại chặng đường 30 năm vừa qua ở nước ta nói chung, ở Hà Nội nói riêng (1975 - 2005) cũng cho ta rút ra những bài học tương tự. Sự nghiệp đổi mới do Đảng và Nhà nước lãnh đạo, tổ chức thực hiện đã tìm ra đúng các vấn đề kinh tế - xã hội mũi nhọn để tháo gỡ, nhờ đó đã giúp cho đất nước nói chung, Hà Nội nói riêng thu được những thành tựu to lớn về mọi mặt. Riêng với Hà Nội tăng trưởng kinh tế của thành phố đã đạt tốc độ khá cao và liên tục, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Việc nghiên cứu tìm kiếm các mũi nhọn kinh tế của các quốc gia, các địa phương đã trở thành vấn đề bắt buộc, có quá nhiều các công trình nghiên cứu mũi nhọn kinh tế của các tỉnh, thành phố, các ngành, các viện nghiên cứu, các trung tâm, các nhà trường trong cả nước; gần đây nhất là đề tài "*những luận cứ khoa học xác định các ngành công nghiệp chủ lực ở thủ đô giai đoạn 2006 - 2010*" do Sở Công nghiệp Hà Nội chủ trì thực hiện tháng 2/2005. Ở ngoài nước vấn đề mũi nhọn kinh tế cũng trở thành vấn đề mang tính kinh điển, mà hầu như mọi nhà kinh tế đều quá quen thuộc. Điều cản trở khiến cho việc nghiên cứu mũi nhọn kinh tế trở nên hấp dẫn nhiều địa phương trong mỗi nước và nhiều nước như vậy là vì: ① Do tính bí mật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia - Nếu không giữ được bí mật của công nghệ tìm kiếm mũi nhọn, thì

sẽ tạo cho các địa phương khác, các nước khác phát hiện chuẩn xác mũi nhọn của mình và dễ biến họ trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp hết sức nguy hại. Điều này đã làm cho việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xác định mũi nhọn luôn là một khu vực cấm, rất ít được truyền bá. ② Do xuất phát từ *quan điểm hiệu quả phân hệ*, không mang tính liên thông và thiếu tính hệ thống toàn cục, nên độ bền vững của các kết quả nghiên cứu thường thiếu tính vững chắc khiến cho mỗi phân hệ (tỉnh, thành phố, đất nước) đều tìm cách lý giải vấn đề mũi nhọn theo các cách riêng có của mình (tuy phần lớn đều sử dụng các phương pháp tính toán thông dụng: a) lợi thế so sánh, b) so sánh hiệu quả phương án v.v), và vì thế đến khi triển khai thực hiện đều gặp nhiều vướng mắc, không thành công theo ý mong muốn đặt ra.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

a. Hệ thống hóa các kiến thức về ngành mũi nhọn kinh tế mà các tác giả, các nhà nghiên cứu và thực hành quản lý trong và ngoài nước thường dùng; nêu rõ các hạn chế cần khắc phục.

b. Đề xuất cơ sở khoa học và thực tiễn của việc hình thành mũi nhọn phát triển.

c. Phân tích thực trạng nhận thức và thực hiện việc hình thành ngành mũi nhọn kinh tế của Hà Nội giai đoạn vừa qua, các thành tựu, các hạn chế cần được xử lý.

d. Sơ bộ đề xuất việc hình thành ngành mũi nhọn kinh tế của thủ đô Hà Nội từ nay đến năm 2015.

4. Phạm vi, giới hạn nghiên cứu:

Đề tài đề cập đến một nội dung rất nhạy cảm và hết sức phức tạp, đòi hỏi phải được đầu tư công sức và kinh phí thoả đáng. Trong giới hạn cho phép (thời gian, kinh phí, điều kiện trong hợp đồng giao nhiệm vụ của Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội), đề tài giới hạn ở việc nghiên cứu cơ sở lý luận của việc xác định ngành mũi nhọn kinh tế ở một thủ đô, có minh họa một phần thực tiễn để chứng minh cơ sở lý luận. Đề tài hy vọng góp một phần đóng góp nhỏ

bé vào công việc to lớn này.

Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Thành uỷ và UBND thành phố Hà Nội, sự theo dõi giúp đỡ của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, sự cộng tác góp ý tận tình và đồng đảo của nhiều nhà khoa học của các cơ quan, ban ngành, các trường đại học ở thủ đô, nhờ đó đề tài đã được hoàn thành. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các sự hỗ trợ của các cơ quan, các cá nhân kể trên.

Hà Nội, tháng 07 năm 2007

Nhóm tác giả

01X - 07/02-2006-2

PHẦN I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MŨI NHỌN KINH TẾ

Trong lịch sử phát triển ở mọi hệ thống với quy mô lớn nhỏ khác nhau (quốc gia, địa phương, doanh nghiệp v.v), một kết luận mang tính quy luật được con người khẳng định là sự phát triển với tốc độ nhanh chóng đều phải dựa vào việc lựa chọn đúng các vấn đề mũi nhọn của hệ thống và dồn sức phát triển chúng với tư cách là động lực thúc đẩy toàn bộ hệ thống đi lên. Quá trình phát triển kinh tế cũng vậy, người ta chỉ có thể tăng nhanh tốc độ phát triển khi tìm đúng các mũi nhọn kinh tế và dành ưu tiên mọi nguồn lực cho nó, để từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp của sự phát triển vượt trội. Việc tìm ra đúng các mũi nhọn kinh tế đã trở thành vấn đề sống còn mang tính quyết định của sự phát triển kinh tế. Do đó việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về mũi nhọn kinh tế luôn luôn là sự quan tâm hàng đầu của các nhà quản lý và các học giả kinh tế.

I. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1. Thuật ngữ ngành mũi nhọn kinh tế: Trong thực tế, thuật ngữ ngành mũi nhọn kinh tế có thể được diễn đạt bằng các cụm từ tương đương:

- Ngành mũi nhọn kinh tế = ngành kinh tế ưu tiên
- Ngành mũi nhọn kinh tế = Ngành kinh tế chủ đạo (chủ lực)
- Ngành mũi nhọn kinh tế = ngành kinh tế then chốt (chủ chốt)
- Ngành mũi nhọn kinh tế = Ngành kinh tế xương sống
- Ngành mũi nhọn kinh tế = ngành kinh tế có sức cạnh tranh lớn
- Mũi nhọn = Khâu xung yếu
- Mũi nhọn = Có lợi thế
- Mũi nhọn = Khâu đột phá
- Mũi nhọn = Cơ sở
- Mũi nhọn = Trọng điểm v.v

2. Phạm vi của ngành mũi nhọn kinh tế, tùy thuộc quy mô mũi nhọn

chiếm lĩnh, mũi nhọn kinh tế có thể là: ① Một sản phẩm, ② Một nhóm sản phẩm, ③ Một lĩnh vực kinh tế, ④ Một ngành kinh tế, ⑤ Một nhóm ngành kinh tế, ⑥ Một địa phương, ⑦ Một khu vực lãnh thổ v.v.

Trong khuôn khổ nhiệm vụ được giao, đề tài chỉ giới hạn việc nghiên cứu mũi nhọn kinh tế ở phạm vi của ngành kinh tế một thủ đô.

3. Đặc điểm của ngành mũi nhọn kinh tế

Đây là xuất phát điểm của việc nghiên cứu, nếu hiểu không đúng ngành mũi nhọn kinh tế là gì mà vẫn bắt tay vào việc thực hiện triển khai phát triển thì hậu quả của các hoạt động kinh tế sẽ hết sức nguy hại; bởi vì từ khi hình thành tư duy ngành mũi nhọn kinh tế cho đến khi đưa nó vào thực hiện trong đời sống, thì đòi hỏi phải có một thời gian khá dài (30 - 40 năm) với hàng loạt nguồn lực được huy động và các chính sách phải thực hiện. Rõ ràng nếu hiểu sai lệch vấn đề thì các chi phí bỏ ra là vô ích và thậm chí là hiểm họa.

a. Tiêu thức của ngành mũi nhọn kinh tế:

Ngành mũi nhọn kinh tế là ngành thoả mãn một số hoặc đồng thời các tiêu thức sau:

a₁. Là ngành đạt hiệu quả cao so với các ngành khác. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hiệu quả luôn là tiêu chuẩn cơ bản nhất để lựa chọn ngành ưu tiên, thực hiện việc phân bổ các nguồn lực. Tuy nhiên, cần hiểu khái niệm hiệu quả như thế nào cho thích hợp? *Một là*, khi theo đuổi mục tiêu tăng trưởng cao và lâu bền trước hết phải nhằm mục đích tạo dựng cơ sở tăng trưởng vững chắc, lâu dài cho toàn bộ nền kinh tế, phải hướng tới việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực, quốc tế và nâng cao trình độ công nghệ kỹ thuật của thủ đô, của đất nước. *Hai là*, không chỉ quan tâm đến hiệu quả kinh tế thuần túy (được đo bằng số lợi nhuận đem lại hay hiệu suất vốn đầu tư) mà còn phải tính đến hiệu quả về mặt xã hội; các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội (như mức độ tạo công việc làm, ô nhiễm môi trường v.v...) cần được tính đến như là những tiêu thức chủ yếu, đặc biệt là ở thủ đô